

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA Địa chỉ: Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Điện thoại: (0258) 2220220 Fax: (0258) 3823828 Tài khoản: 114.000.022.257 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Mã số thuế: 4200601069
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: 13 công trình sửa chữa lớn lưới điện phân phối, theo hồ sơ thiết kế được duyệt đính kèm.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: tỉnh Khánh Hòa. Được xác định trong Tập bản vẽ đính kèm theo E-HSMT.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: Ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 100 ngày kể từ ngày khởi công.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ngày Chủ đầu tư phát lệnh khởi công và không quá 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức tự thực hiện; - Tư vấn giám sát là: Chủ đầu tư tổ chức tự thực hiện.
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: không áp dụng
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hồ sơ thiết kế được duyệt. - Bảng tiến độ chi tiết đã được chủ đầu tư chấp thuận.
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 05% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp

	đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong vòng 28 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu vẫn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba... theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng, kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: tỉnh Khánh Hòa.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ngày Chủ đầu tư bàn giao tuyến, mặt bằng cho Nhà thầu và lập biên bản bàn giao tuyến, mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 15 ngày. Giải quyết tranh chấp: - Nếu thương lượng không thành công, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo quy định của pháp luật. - Nhà thầu có thời hạn 30 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn

	bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: <i>ngày/tháng/năm</i> . - Ngày hoàn thành dự kiến: <i>ngày/tháng/năm</i> .
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 10 ngày/lần. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 30.000.000 VND.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Các điều kiện để xác định sự kiện bất khả kháng, cụ thể: Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường: a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên; b) Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng; c) Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và d) Thực tế không thể quy cho bên kia.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: - Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại thiết bị (nếu có) trước khi đưa vào công trình. - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: trọn gói.
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	- Số tiền tạm ứng: (tương đương 30% giá hợp đồng). - Thời gian tạm ứng: sau khi hợp đồng có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày kể từ ngày Nhà thầu xuất trình cho Chủ đầu tư đầy đủ các chứng từ sau: + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; + Giấy đề nghị tạm ứng;

+ Phương án thi công và tiến độ thi công cụ thể của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận;

+ Bảo lãnh tạm ứng.

- Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng và có hiệu lực cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tạm ứng.

- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.

- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.

Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

- Quản lý chi phí tạm ứng:

Sau khi ký hợp đồng, Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như mua xi măng, sắt thép xây dựng, thép mạ kẽm, thuê nhân công, ...), trong đó có thể hiện các mốc tiến độ vật tư được tập kết đến công trường. Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng như hợp đồng, chứng từ thanh toán. Chủ đầu tư sẽ kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư đến công trường theo kế hoạch.

	<p>Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện Nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho công trình thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của Nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức thu hồi tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng được thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và bảo đảm thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá hợp đồng. Mức thu hồi qua mỗi lần thanh toán tương đương với 40% giá trị mỗi lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi Chủ đầu tư kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng. - Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư. - Trường hợp Nhà thầu không thực hiện hợp đồng hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung của hợp đồng, thì toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho Nhà thầu.
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> 1) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. 2) Phương thức thanh toán: Nhà thầu phát hành hóa đơn và thanh toán theo từng công trình đã hoàn thành, trên cơ sở khối lượng thực tế các công việc Nhà thầu hoàn thành được nghiệm thu và đơn giá công việc tương ứng. - Sau khi thi công Nhà thầu phải tiến hành thanh quyết toán vật tư, nghiệm thu và quyết toán khối lượng theo từng hạng mục công trình nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng. Các biên bản nghiệm thu, quyết toán này là cơ sở để lập thủ tục thanh toán. - Mỗi đợt thanh toán, Chủ đầu tư sẽ giữ lại khoản tiền là 10% giá trị của đợt thanh toán đó, đồng thời thu hồi tiền tạm ứng theo quy định. Số tiền tạm ứng được thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và bảo đảm thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Mức thu hồi qua mỗi lần thanh toán tương đương với 40% giá trị mỗi lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng. - Trong vòng 14 ngày làm việc kể ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu tương ứng giá trị khối lượng hoàn thành sau khi đã trừ tạm ứng và giữ lại như nêu trên. Hồ sơ thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu trong đó thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có); + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Nhà thầu, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát;

	<ul style="list-style-type: none"> + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán khối lượng công việc hoàn thành; + Bảng xác nhận giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng có xác nhận của đại diện Nhà thầu, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát; + Hóa đơn tài chính hợp lệ; + Biên bản thí nghiệm, phiếu xuất xưởng và các hồ sơ liên quan (nếu có). <p>3) Thanh toán tiền giữ lại (10%):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong vòng 14 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất các hồ sơ quyết toán nộp cho Chủ đầu tư và Nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành không điều kiện của Ngân hàng với số tiền bằng 5% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị hợp đồng. + Trong vòng 14 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 5% giá trị hợp đồng. <p>4) Tùy theo tình hình thi công và khi có đề nghị của Nhà thầu, Chủ đầu tư có thể xem xét và thanh toán cho Nhà thầu theo từng giai đoạn hoàn thành bộ phận công trình.</p> <p>5) Quyết toán và thanh lý hợp đồng: sau khi công trình hoàn thành, đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ căn cứ vào E-HSMT, hợp đồng và các phụ lục hợp đồng để quyết toán và thanh lý hợp đồng theo quy định.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>- Phần tiền giữ lại từ mỗi lần thanh toán là: 10 %</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>* Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng. - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh. <p>Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau:</p>

	<p>a) Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký: Đối với hợp đồng trọn gói: Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng cung cấp thiết bị là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu) và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật xây dựng số 50/2014/QH13. Phương pháp điều chỉnh theo điểm b dưới đây.</p> <p>b) Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng: - Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.</p> <p>** Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra”.</p> <p>d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Nếu Nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.</p> <p>1. Về chậm tiến độ: Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt (12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm), hoặc + Nếu sau 02 lần phải điều chỉnh Tiến độ cấp 2 (đã được Chủ Đầu tư chấp

	<p>thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi lần điều chỉnh tiến độ, Chủ Đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các mức phạt : Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được quy định như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Phạt 1%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt. + Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. <p>2. Về vi phạm chất lượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại E-ĐKC 49.2, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên. <p>3. Phạt chậm tiến độ quyết toán hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong vòng 45 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, Nhà thầu phải nộp hồ sơ hoàn công, quyết toán hợp lệ cho Chủ đầu tư để thẩm tra, phê duyệt. Biên chế hồ sơ hoàn công, quyết toán được thực hiện theo quy định của Chủ đầu tư. - Nếu Nhà thầu chậm trễ nộp hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán được xác định do lỗi của Nhà thầu thì bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi 01 ngày chậm và mức phạt tối đa đến 12%. Trường hợp phải hiệu chỉnh hồ sơ do sai sót, sau 05 ngày hoặc sau thời gian hai bên thỏa thuận nếu Nhà thầu chưa chuyển hồ sơ hiệu chỉnh theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì sẽ phạt bổ sung thêm 0,05% giá trị hợp đồng cho mỗi 01 ngày chậm nộp. - Chủ đầu tư được căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (nếu có), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và ghi rõ nội dung về việc Nhà thầu không hợp tác để quyết toán công trình hoặc thực hiện các nội dung công việc để hoàn thành quyết toán công trình trong Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của Chủ đầu tư. - Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có), các chi phí liên quan đến việc tự quyết toán và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền của Chủ đầu tư. Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định.
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế, bao gồm:

	<p>* Trong quá trình thi công hoặc thi công hoàn thành và trong thời gian bảo hành nhưng để xảy ra sự cố do chất lượng thi công của nhà thầu làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu cung cấp điện, chất lượng điện năng, nguy cơ xảy ra tai nạn điện...nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do mất điện được tính theo công thức sau:</p> $Zbt = Gbq \times Ađn \times Tbt + Ytc$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Zbt: Giá trị bồi thường. - Gbq: Giá bán điện bình quân của Công ty Điện lực với tháng liền kề trước đó bị sự cố. - Ađn: Sản lượng mất điện do sự cố gây nên. - Tbt: Tỷ lệ bồi thường đối với trường hợp xác định không hoàn toàn do lỗi của nhà thầu. - Ytc: Chi phí đền bù để thi công khôi phục tình trạng lưới điện <p>* Và các thiệt hại thực tế khác có liên quan.</p>
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: <i>ngày/tháng/năm.</i>
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>ngày/tháng/năm.</i>
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 60.000.000 VND.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 45 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.